BIỂU I.1:

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số: 1462/QĐ-UBND ngày 12/8/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng dự án giai đoạn 2021-2025 (chưa gồm CT MTQG)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (sau số thông báo tại Công văn số 871/TTg-KTTH)					Ghi chú
				Số lượng dự án, nhiệm vụ			Kế hoạch vốn bố trí	Trong đó:	
				Tổng số dự án bố trí	*Tỷ lệ giảm số lượng dự án so với giai đoạn trước*	Giao chi tiết kỳ này		Giao chi tiết kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG**	**359**	**23.417.134**	**206**	***42,6***	**137**	**34.290.648**	**8.295.776**	-
	KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KHÔNG BAO GỒM VỐN NSTW THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG		**19.778.521**				**34.290.648**	**8.295.776**	
A.1	**Vốn ngân sách địa phương**	**310**	**10.356.313**	**176**	***43,2***	**134**	**13.552.848**	**7.758.027**	
1	***Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí***	***224***	***3.910.399***	***120***	***46,4***	***106***	***5.381.848***	***3.819.887***	
	Trong đó:								
a	Phân bổ cho các dự án	124	2.171.706	114		100	2.562.430	1.394.113	Chi tiết tại biểu I.2
	- Dự án hoàn thành đến 31/12/2025	70	409.984	39		39	50.835	50.835	
	- Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030	23	756.104	48		48	448.213	448.213	
	Trong đó: Dự án Quy hoạch	*1*	*37.072*						
	- Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030	31	1.005.618	27		13	2.063.382	880.065	
b	Chuẩn bị đầu tư		19.000	-			15.000	15.000	
c	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	*13*	*992.094*	6		6	1.763.587	1.558.000	
	Trong đó: Đối ứng thực hiện Chương trình MTQG		*120.000*				*200.000*	200.000	
d	Bội chi ngân sách địa phương/Bội thu ngân sách địa phương		59.800				125.968	125.968	
đ	Trả nợ gốc, lãi vay		95.270				56.606	56.606	
e	Phân cấp cho cấp dưới	81	571.000				685.200	685.200	
g	Dự phòng		1.529				173.058	-	
2	***Đầu tư từ thu xổ số kiến thiết***	***6***	***67.000***	***5***	***16,7***	***3***	***125.000***	***37.330***	-
-	Phân cấp cho cấp dưới		11.000						
-	Phân bổ cho các dự án		56.000	5		3	125.000	37.330	*Chi tiết tại biểu I.2*
	- Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030			3		3	37.330	37.330	
	- Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030	*6*	*56.000*	2		-	87.670	-	
3	***Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất***	***70***	***5.342.464***	***41***	***42***	***24***	***5.321.000***	***3.840.810***	
a	Phân bổ cho các dự án	60	1.063.257	35	*41,7*	21	1.928.031	1.294.635	Chi tiết tại biểu I.2
	- Dự án hoàn thành đến 31/12/2025	*16*	*182.452*						
	- Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030	*12*	*219.008*	13		13	684.296	684.296	
	- Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030	*17*	*340.361*	22		8	1.243.735	610.339	
b	Phân cấp cho cấp dưới		2.777.768				850.000	850.000	
c	Quỹ phát triển đất		269.142				68.445	68.445	
d	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	10	1.231.025	6		3	2.283.132	1.541.135	
	Trong đó: Đối ứng thực hiện Chương trình MTQG		*153.000*				*688.345*	688.345	
đ	Tiết kiệm 5% chi đầu tư phát triển vốn ngân sách địa phương		636				86.595	86.595	
e	Dự phòng		636				104.796	-	
4	**Nguồn thu khác xác định bổ sung vào kế hoạch đầu tư công**	**6**	**886.449**	**10**	**-**	**1**	**2.725.000**	**60.000**	

Số TT	Nội dung	Số lượng dự án giai đoạn 2021-2025 (chưa gồm CT MTQG)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (sau số thông báo tại Công văn số 871/TTg-KTTH)					Ghi chú
				Số lượng dự án, nhiệm vụ			Kế hoạch vốn bố trí	Trong đó:	
				Tổng số dự án bố trí	*Tỷ lệ giảm số lượng dự án so với giai đoạn trước*	Giao chi tiết kỳ này		Giao chi tiết kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4.1	**Nguồn thu từ phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu**			**3**	**-**	**1**	**700.000**	**60.000**	**-**
a	Phân bổ cho các dự án			3	-	1	700.000	60.000	
	- *Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030*			3		1	700.000	60.000	
b	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật			-		-	-	-	
4.2	**Nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu (thuế xuất nhập khẩu, thuế GTNT hàng nhập khẩu)**			**4**	**-**	**-**	**1.950.000**	**-**	**-**
a	Phân bổ cho các dự án			4	-	-	1.646.856	-	
	- *Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030*			4		-	1.646.856	-	
b	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	1		-			303.144	-	
4.3	**Nguồn thu từ khấu hao tài sản nước sạch**			**3**	**-**	**-**	**75.000**	**-**	
a	Phân bổ cho các dự án			3	-	-	75.000	-	
	- *Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030*			3		-	75.000	-	
A.2	**Vốn ngân sách Trung ương**	**49**	**13.060.821**	**30**	***38,8***	**3**	**20.737.800**	**537.749**	
I	**Vốn trong nước**	**41**	**11.494.633**	**26**	***36,6***	**3**	**17.406.897**	**537.749**	
1	**Các chương trình MTQG**		**3.638.613**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
a	***Vốn đầu tư thuộc kế hoạch Trung ương giao***		***3.515.421***	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030		3.515.421						Có hồ sơ Nghị quyết phân bổ riêng
-	Chương trình MTQG phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035								
-	Chương trình MTQG phòng chống ma túy đến năm 2030								
-	Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 – 2035								
-	Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035								
b	***Vốn sự nghiệp chuyển sang đầu tư (cơ chế đặc thù)***		***123.192***						
2	**Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực**	**40**	**4.356.020**	**19**	***52,5***	**3**	**6.875.522**	**537.749**	
	- Dự án hoàn thành trước 31/12/2025	20	459.264	-					Chi tiết tại biểu I.3, I.3a
	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước	1	34.820						
	- Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030	5	1.512.360	6		3	1.115.201	537.749	
	Trong đó: Đối ứng ODA	*1*	*65.385*						
	- Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030	14	2.259.011	13			5.760.321	-	
3	**Dự án có tính chất lan tỏa (Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững) và dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**1**	**3.500.000**	**7**		**-**	**10.531.375**		
	- Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030			-			-		
	- Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030			*7*			*10.531.375*		
II	**Vốn nước ngoài (ODA)**	**8**	**1.566.188**	**4**	***50,0***		**3.330.903**		Chi tiết tại biểu I.4, bao gồm cả các dự án đang đề xuất dự án
1	- Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030	7	1.286.188	-					
2	- Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030	1	280.000	4			3.330.903		

BIỂU I.2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số: 1462/QĐ-UBND ngày 12/8/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 giao chi tiết kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMĐT)								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSĐP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP phân bổ kỳ này			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ		**137**				**30.049.115**	**12.784.845**	**3.700.576**	**1.276.572**	**11.146.415**	**7.758.027**			
A	**VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ**		**108**				**16.886.895**	**6.583.860**	**2.123.185**	**574.515**	**6.313.061**	**3.819.887**			
I	**Giao thông**		**5**				**866.882**	**466.882**	**544.772**	**127.797**	**339.085**	**339.085**			
(2)	**Dự án chuyển tiếp**		**2**				**583.881**	**183.881**	**544.772**	**127.797**	**56.084**	**56.084**			
1	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18 huyện Đình Lập	B	Đình Lập	10,473km đường cấp III	2023-2026	44/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 2086/QĐ-UBND ngày 03/01/2023, số 204/QĐ-UBND ngày 30/1/2026	373.794	123.794	334.685	84.685	39.109	39.109	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông	Kết nối giữa thành phố Lạng Sơn (tỉnh Lạng Sơn) với thành phố Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh), rút ngắn quãng đường và hành trình di chuyển (khoảng 30km), tăng cường liên kết vùng, phát triển du lịch dịch vụ, nâng cao năng lực sản xuất, phục vụ vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu, góp phần nâng cao đời sống Nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh.	
2	Nút giao đường cao tốc vào Khu công nghiệp Hữu Lũng	B	Hữu Lũng	Tận dụng, giữ nguyên cầu vượt đường cao tốc và các nhánh N1, N2, kéo dài nhánh N3 vào khu công nghiệp Hữu Lũng. Xây dựng mới các nhánh N4, N5, N6, N7, N8, N9, N10.Dỡ bỏ các nhánh N4, N5 cũ.	2023-2026	560/QĐ-UBND ngày 30/3/2022; 1651/QĐ-UBND ngày 20/9/2024; 2535/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	210.087	60.087	210.087	43.112	16.975	16.975	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông	Hoàn chỉnh đường vào Khu công nghiệp Hữu Lũng nhằm từng bước xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Hữu Lũng, đáp ứng nhu cầu đi lại về giao thông, vận chuyển hàng hóa của các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp	
(3)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030**		**3**				**283.001**	**283.001**	**-**	**-**	**283.001**	**283.001**			
1	Đầu tư xây dựng cầu Cửa Nam	C	phường Lương Văn Tri và phường Đông Kinh	158m, B=17m	2026-2029	1084/QĐ-UBND ngày 17/6/2026	157.383	157.383			157.383	157.383	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông	Phát triển mạng lưới giao thông đô thị, tạo điểm nhấn kiến trúc, cảnh quan trong đô thị và động lực lan tỏa cho không gian đô thị trung tâm của các phường	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 giao chi tiết kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP phân bổ kỳ này			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSĐP)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Cải tạo, nâng cấp đoạn Km22+600 - Km24+600 và đoạn Km33+400-Km35+800 đường tỉnh ĐT.235B (Kỳ Lừa - Công Sơn - Ba Sơn)	C	xã Ba Sơn	Chiều dài 4,4Km. Quy mô đường cấp VI miền núi.	2026-2028	1222/QĐ-UBND ngày 03/7/2026	19.961	19.961			19.961	19.961	UBND xã Ba Sơn	Phát triển kinh tế - xã hội cho 10.567 nhân khẩu sinh sống trên địa bàn, tiếp cận khu di kích Ba Sơn và 03 xã an toàn khu	Kiến nghị cử tri. Tên cũ: Đường ĐH.21 (Cao Lâu - Xuất Lễ), huyện Cao Lộc *(Dự án cấp tỉnh quản lý, UBND xã thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư)*
3	Đường kết nối từ QL.1A đến Trường chính trị Hoàng Văn Thụ	B	phường Đông Kinh	Chiều dài 2,14Km. Quy mô đường cấp III	2027-2030	525/QĐ-UBND ngày 26/3/2026	105.657	105.657			105.657	105.657	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đáp ứng nhu cầu đi lại, liên kết vùng; kết nối thuận tiện với Trường chính trị Hoàng Văn Thụ xây dựng mới trong giai đoạn 2026-2030. Tạo tiền đề phát triển đô thị, mở rộng thành phố Lạng Sơn sang phía Đông.	Đường vào trường HVT mới, tên tại NQ46: Đường kết nối từ Khu đô thị Mai Pha đến QL.4B (Đoạn từ Km5+200 QL.4B đến Trường chính trị Hoàng Văn Thụ)
II	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**		**12**				**3.710.620**	**630.705**	**218.100**	**-**	**610.605**	**460.605**			
(2)	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030**		**4**				**1.368.752**	**63.171**	**218.000**	**-**	**63.171**	**63.171**			
1	Trường phổ thông nội trú TH&THCS Kiên Mộc, xã Kiên Mộc, tỉnh Lạng Sơn	B	Xã Kiên Mộc	Quy mô 30 lớp, đáp ứng 1.050 học sinh, đầy đủ công trình giáo dục phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật	2025-2026	2704/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh	344.592	15.196	69.600		15.196	15.196	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
2	Trường phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Quốc Khánh	B	Xã Quốc Khánh	Gồm khối phòng học, phòng hỗ trợ học tập, khu nội trú, khu phục vụ sinh hoạt, thể thao và HT-KT đồng bộ.	2025-2026	2705/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh	350.445	19.266	51.100		19.266	19.266	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
3	Trường phổ thông nội trú TH&THCS Khuất Xá, xã Khuất Xá, tỉnh Lạng Sơn	B	Xã Khuất Xá	36 lớp, đáp ứng 1.260 học sinh, đầy đủ công trình giáo dục, sinh hoạt, thể thao và hạ tầng kỹ thuật.	2025-2026	2703/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh	283.567	10.048	47.200		10.048	10.048	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
4	Trường phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Mẫu Sơn	B	Xã Mẫu Sơn	Gồm khối học tập, sinh hoạt nội trú, thể thao, hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ.	2025-2026	2706/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh	390.148	18.661	50.100		18.661	18.661	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
(3)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030**		**8**				**2.341.868**	**567.534**	**100**	**-**	**547.434**	**397.434**			
	Đối ứng 7 Công trình Trường liên cấp		7				***2.126.554***	***352.220***	**-**	**-**	***332.220***	***332.220***			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 giao chi tiết kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMĐT)								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSĐP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP phân bổ kỳ này			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Trường phổ thông nội trú TH-THCS&THPT Ba Sơn		xã Ba Sơn				325.634	49.500			46.500	46.500	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	Đã dự kiến bố trí trước 20 tỷ đồng từ nguồn tăng thu triển khai thực hiện cho 07 trường
2	Trường phổ thông nội trú TH-THCS Cao Lộc		xã Cao Lộc				272.974	50.820			47.820	47.820	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
3	Trường phổ thông nội trú TH-THCS&THPT Đồng Đăng		xã Đồng Đăng				387.872	49.500			46.500	46.500	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
4	Trường phổ thông nội trú TH-THCS Kháng Chiến		xã Kháng Chiến				240.976	49.500			46.500	46.500	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
5	Trường phổ thông nội trú TH-THCS Hoàng Văn Thụ		xã Hoàng Văn Thụ				383.622	53.900			50.900	50.900	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
6	Trường phổ thông nội trú TH-THCS&THPT Thụy Hùng		xã Thụy Hùng				257.738	49.500			46.500	46.500	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
7	Trường phổ thông nội trú TH-THCS&THPT Quốc Việt		xã Quốc Việt				257.738	49.500			47.500	47.500	Công an tỉnh	Dự án đầu tư công đặc biệt (81-TB/TW)	
	Danh mục dự án khác		1				***215.314***	***215.314***	***100***	**-**	***215.214***	***65.214***			
1	Nâng cấp, cải tạo các Trường THPT trên địa bàn tỉnh	B	tỉnh Lạng Sơn	Cải tạo, nâng cấp 10 trường THPT	2027-2030	785/QĐ-UBND ngày 01/5/2026	215.314	215.314	100		215.214	65.214	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Bổ sung đảm bảo đủ điều kiện về CSVC để công nhận lại trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2027.	
V	**Quốc phòng**		**1**				**10.000**	**10.000**	**-**	**-**	**10.000**	**10.000**			
(3)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030**		**1**				**10.000**	**10.000**	**-**	**-**	**10.000**	**10.000**			
1	Xây dựng Tổ công tác Quốc Khánh điểm cao 820/ Đồn biên phòng Pò Mã	C	xã Quốc Khánh	Xây dựng công trình doanh trại 2 tầng	2027-2029	79/QĐ-UBND ngày 16/6/2026	10.000	10.000			10.000	10.000	Ban chỉ huy BĐBP tỉnh	Đảm bảo sinh hoạt chi chiến sĩ	
VII	**Quy hoạch**		**1**				**12.362**	**12.362**	**2.550**	**50**	**9.812**	**9.812**			
(2)	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030**		**1**				**12.362**	**12.362**	**2.550**	**50**	**9.812**	**9.812**			
1	Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Lạng Sơn, thời kỳ 2021-2030	C	tỉnh Lạng Sơn				12.362	12.362	2.550	50	9.812	9.812	Sở Tài chính	Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh 05 năm/ lần theo quy định	Huỷ DT 2025: 3,5 tỷ
VIII	**Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật**		**7**				**10.220.776**	**4.020.776**	**1.046.652**	**446.668**	**3.278.054**	**1.558.000**			
1	Hỗ trợ Đề án phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2026-2030		Tỉnh Lạng Sơn		2026-2030	2866/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	678.731	678.731			678.731	300.000	Sở Xây dựng	Giai đoạn 2026-2030 phấn đấu rải nhựa hoặc bê tông đường xã thêm được 500km, nâng tỷ lệ đường xã được rải nhựa hoặc bê tông đến hết năm 2030 đạt 2.652km/2.732km; Phấn đấu giai đoạn 2026-2030 cứng hóa thêm được 450km đường đến trung tâm thôn, tương ứng số thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hoá thêm được tối thiểu 50 thôn, nâng tổng số thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt 1.455/1.515 thôn.	
2	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ bảo vệ môi trường				2026-2030		25.000	25.000			25.000	25.000	Sở Nông nghiệp và Môi trường		24/BC-QBVMT ngày 10/7/2024

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 giao chi tiết kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP phân bổ kỳ này			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSĐP)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh				2026-2028		18.000	18.000			18.000	18.000	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam		Đang xây dựng đề án
4	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh				2026-2028	1158/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	15.000	15.000			15.000	15.000	Liên minh Hợp tác xã		05 tỷ /năm đến năm 2028
5	Ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội				2026-2030	915/QĐ-UBND ngày 23/5/2024	500.000	500.000			500.000	500.000	Sở Nội vụ	Định hướng tỷ lệ ủy thác NSĐP qua NHCSXH 15-20% tăng trưởng tín dụng của NHCSXH (Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023)	
6	Đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia				2026-2030		784.045	784.045	-	-	784.045	200.000			02 nguồn
-	*Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030*						*484.045*	*484.045*			*484.045*	*100.000*			
-	*Các Chương trình MTQG khác*						*300.000*	*300.000*			*300.000*	*100.000*			
7	Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	A	Nhân Lý, Đông Kinh, Kỳ Lừa, Tam Thanh, Đồng Đăng, Hoàng Văn Thụ	43km tuyến chính, 17km tuyến nối cửa khẩu	2023-2026	41/NQ-HĐND ngày 30/12/2022; 2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2023; 18/NQ-HĐND ngày 28/4/2025	8.200.000	2.000.000	1.046.652	446.668	1.257.278	500.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Cầu nối quan trọng của tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hải Phòng - Quảng Ninh, nhằm tạo ra hành lang kinh tế xuyên Á, tạo lợi thế để Việt Nam là cửa ngõ giao lưu thương mại với Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á; góp phần liên kết, phát triển nhanh các lĩnh vực kinh tế trọng điểm của tỉnh Lạng Sơn như công nghiệp, du lịch, dịch vụ, xuất nhập khẩu hàng hóa; thúc đẩy phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tạo động lực để tỉnh Lạng Sơn phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và trở thành một trong các cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.	Số tăng quy mô: 2.700 tỷ đề xuất NSTW hỗ trợ từ nguồn ngoài KH ĐTC
IX	**Bố trí cho các nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp từ cấp huyện chuyển về**		**81**				**369.981**	**369.981**	**-**	**-**	**369.981**	**369.981**	Các chủ đầu tư cấp tỉnh (có dự án huyện chuyển về)		Chi tiết tại Biểu II
(1)	*Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2025*		*39*				*50.835*	*50.835*			*50.835*	*50.835*			
(2)	*Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030*		*42*				*319.146*	*319.146*			*319.146*	*319.146*			
X	**Đối ứng dự án ODA**		**1**				**813.500**	**190.380**	**311.111**	**-**	**812.750**	**189.630**			
a	**Xã hội**		**1**				**813.500**	**190.380**	**311.111**	**-**	**812.750**	**189.630**			
(3)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030**		**1**				**813.500**	**190.380**	**311.111**	**-**	**812.750**	**189.630**			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 giao chi tiết kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP phân bổ kỳ này			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSĐP)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn" sử dụng vốn vay Nhật Bản	B	tỉnh Lạng Sơn	Gồm 06 tiểu dự án: 02 tiểu dự án giao thông: cải tạo, nâng cấp khoảng 31,2 km đường giao thông theo tiêu chuẩn đường cấp Cấp VI TCVN 4054: 2005; 04 tiểu dự án thủy lợi	2022-2025 (dự kiến điều chỉnh 2026-2029)	576/QĐ-TTg ngày 11/5/2022	813.500	190.380	311.111		812.750	189.630	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Nâng cao và nhân rộng năng lực chống chịu biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Lạng Sơn. Kết nối giao thông, tạo liên kết vùng có sức lan tỏa tới các xã vùng sâu, vùng xa, thông qua việc cải tạo, nâng cấp khoảng 31,2km đường giao thông	
XI	**Trả nợ gốc, lãi vay**						**56.606**	**56.606**			**56.606**	**56.606**			Lấy tương đương giai đoạn trước
XII	**Bội chi NSĐP**						**125.968**	**125.968**			**125.968**	**125.968**			Lấy tương đương giai đoạn trước
XIII	**Phân cấp cho cấp xã**						**685.200**	**685.200**			**685.200**	**685.200**			Chi tiết tại Biểu I.2a kèm theo
XIV	**Chuẩn bị đầu tư**						**15.000**	**15.000**			**15.000**	**15.000**			
B	**VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT**		**25**				**12.962.809**	**6.001.773**	**1.548.980**	**675.607**	**4.736.024**	**3.840.810**			
I	**Giao thông**		**6**				**1.120.829**	**716.821**	**438.857**	**181.208**	**512.660**	**512.660**			
(2)	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030**		**6**				**1.120.829**	**716.821**	**438.857**	**181.208**	**512.660**	**512.660**			
1	Dự án Đường Lũng Vài - Bình Độ -Tân Minh đoạn từ Km12 - Km20	C	xã Kháng Chiến	7,5km	2024-2026	2196/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	40.720	40.720	15.920	15.920	24.800	24.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	Đầu tư hoàn chỉnh toàn tuyến ĐT.229 nhằm đáp ứng được nhu cầu đi lại của Nhân dân, đảm bảo an toàn giao thông, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực các xã Quốc Việt, Trung Thành, Tân Minh thuộc huyện Tràng Định và khu vực lân cận, tạo thuận lợi cho việc tuần tra bảo vệ đường biên mốc giới của lực lượng Biên phòng, đảm bảo quốc phòng an ninh.	
2	ĐH.46 Còn Quan - Pò Khoang xã Đình Lập	C	Đình Lập	Tổng chiều dài tuyến mới là 6,43Km, quy mô đường cấp B miền núi	2024-2025	1882/QĐ-UBND ngày 17/11/2023; 972/QĐ-UBND ngày 30/5/2024	22.000	22.000	19.600	19.600	2.400	2.400	UBND xã Đình Lập	Nâng cao khả năng khai thác của tuyến đường, đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân, kết nối có hiệu quả với hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông khu vực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực	Bổ sung hụt thu SDĐ 2025: 2,4 tỷ đồng
3	Đường dẫn vào khu tái định cư đường Lý Thái Tổ (kéo dài)	C	TPLS	Tổng chiều dài 466,23m	2018-2025	2534/ QĐ-UBND ngày 12/12/2018; 2792/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; 566/QĐ-UBND ngày 31/3/2022; 1873/QĐ-UBND ngày 15/11/2023; 1066/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	26.526	26.526	16.076	10.688	5.150	5.150	UBND phường Đông Kinh	Tạo thuận lợi cho việc kết nối hạ tầng giao thông giữa Khu tái định cư với đường Lê Đại Hành, phát huy hiệu quả đầu tư Khu tái định cư, góp phần chỉnh trang đô thị, đồng thời tạo được quỹ đất tái định cư, dân cư dọc hai bên đoạn tuyến.	Bổ sung hụt thu SDĐ 2025: 5,15 tỷ đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 giao chi tiết kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP phân bổ kỳ này			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSĐP)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	Đường giao thông Khu công nghiệp Đồng Bành (giai đoạn 2)	C	Chi Lăng	Quy mô xây dựng theo tiêu chuẩn đường đô thị, tổng chiều dài các tuyến 1.647,36m	2016-2025	1233/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 308a ngày 25/2/2017; 937/QĐ-UBND ngày 19/5/2020; 16/NQ-HĐND ngày 30/5/2024	91.603	17.770	50.588	-	6.105	6.105	UBND xã Chi Lăng	Thúc đẩy và hình thành khu công nghiệp, thu hút các nhà đầu tư vào đầu tư, xây dựng nhà máy trong khu công nghiệp, chuẩn bị tốt cho công tác xúc tiến kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư vào khu công nghiệp Đồng Bành	Bổ sung hụt thu SDĐ 2025: 6,105 tỷ đồng
5	Đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch) và khu TĐC, DC thị trấn Bình Gia	B	xã Bình Gia, Hồng Phong	21,9 km cấp VI miền núi	2023-2026	46/NQ-HĐND ngày 25/11/2021	249.667	169.742	160.225	35.000	134.442	134.442	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng, kết nối giao thông trong khu vực trung tâm thị trấn Bình Gia, thị tứ Văn Mịch, mở rộng mạng lưới đường giao thông đô thị, tạo lập khu dân cư mới và quỹ đất ở tái định cư cho các dự án khác trên địa bàn huyện, góp phần chỉnh trang đô thị, tạo nguồn lực tái đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.	Bổ sung hụt thu SDĐ 2025: 45 tỷ đồng
6	Đường Lý Thái Tổ kéo dài và khu dân cư, tái định cư TPLS	B	phường Đông Kinh	24,51 ha. Trong đó: diện tích phạm vi 1 rộng 13,06 ha; diện tích phạm vi 2 thuộc dự án rộng 11,45 ha	2023-2026	40/NQ-HĐND ngày 25/11/2021	690.313	440.063	176.448	100.000	339.763	339.763	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng, kết nối giao thông trong khu vực trung tâm thị trấn Bình Gia, thị tứ Văn Mịch, mở rộng mạng lưới đường giao thông đô thị, tạo lập khu dân cư mới và quỹ đất ở tái định cư cho các dự án khác trên địa bàn huyện, góp phần chỉnh trang đô thị, tạo nguồn lực tái đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.	Bổ sung hụt thu SDĐ 2025: 50 tỷ đồng
III	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**		**1**				**215.314**	**215.314**	**100**	**-**	**215.214**	**150.000**			
(3)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030**		**1**				**215.314**	**215.314**	**100**	**-**	**215.214**	**150.000**			
1	Nâng cấp, cải tạo các Trường THPT trên địa bàn tỉnh	B	tỉnh Lạng Sơn	Cải tạo, nâng cấp 10 trường THPT	2027-2030	785/QĐ-UBND ngày 01/5/2026	215.314	215.314	100		215.214	150.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Bổ sung đảm bảo đủ điều kiện về CSVC để công nhận lại trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2027.	
IV	**Khoa học, công nghệ**		**1**				**63.671**	**63.471**	**-**	**-**	**63.471**	**63.471**			
(3)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030**		**1**				**63.671**	**63.471**	**-**	**-**	**63.471**	**63.471**			
1	Trại thực nghiệm và các trang thiết bị kỹ thuật	C	phường Lương Văn Tri	4,97ha. Xây dựng khu thực nghiệm, cơ sở vật chất, thiết bị.	2027-2028	2302/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	63.671	63.471	-		63.471	63.471	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh		
V	**Văn hóa**		**2**				**43.577**	**43.577**	**13.599**	**13.599**	**29.978**	**29.978**			
(2)	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030**		**2**				**43.577**	**43.577**	**13.599**	**13.599**	**29.978**	**29.978**			
1	Khối biểu tượng Chiến thắng 17/10 tại vườn hoa 17/10 thành phố Lạng Sơn	C	phường Đông Kinh	Khối biểu tượng có đường kính D=12m, diện tích xây dựng 113,1m2; Tổng chiều cao khối biểu tượng 12,6m, nhân vật cao trung bình 3,5-3,9m	2025-2026	1909/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	33.728	33.728	9.000	9.000	24.728	24.728	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tạo dựng vẻ đẹp mỹ quan đô thị thành phố, kết hợp với cầu Kỳ Cùng, đền Kỳ Cùng, khuôn viên Vườn hoa 17/10, tạo thành điểm nhấn cảnh quan văn minh, hiện đại, xanh sạch đẹp giữa trung tâm thành phố. Phát huy giá trị đầu tư, tôn vinh Chiến thắng lịch sử ngày 17/10/1950 ngày giải phóng thị xã Lạng Sơn.	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 giao chi tiết kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP phân bổ kỳ này			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSĐP)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Tôn tạo và phát huy giá trị Di tích Địa điểm Thủy Môn Đình, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	C	xã Đồng Đăng	Các hạng mục: Đại Đình, sân trước Đình, đường dẫn từ nhà bia Thủy Môn Đình đến sân trước Đình, tường rào bao quanh di tích và hệ thống biển chỉ dẫn, khu vệ sinh	2024-2026	401/QĐ-UBND ngày 13/3/2023	9.849	9.849	4.599	4.599	5.250	5.250	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Khẳng định giá trị lịch sử, chủ quyền lãnh thổ nơi biên cương của Tổ quốc, tương xứng với xếp hạng di tích quốc gia, từng bước hình thành quần thể công trình quy mô lớn xứng đáng là "cột mốc lịch lịch sử - văn hóa" nơi biên cương tổ quốc phục vụ hiệu quả nhiệm vụ kinh tế, chính trị, ngoại giao, văn hóa của đất nước, của tỉnh	
VI	**An ninh và trật tự, an toàn xã hội**		**6**				**429.926**	**212.083**	**44.838**	**38.704**	**167.245**	**167.245**			
(2)	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030**		**2**				**80.463**	**80.463**	**44.838**	**38.704**	**35.625**	**35.625**			
1	Trụ sở Đội phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn Đồng Đăng	C	Đồng Đăng		2023-2025	430/QĐ-UBND ngày 25/3/2016, 1372/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	36.576	36.576	34.484	28.350	2.092	2.092	Công an tỉnh		Hụt thu SDĐ 2025: 2,092 tỷ đồng
2	Mở rộng trụ sở làm việc phòng CS PCCC&CNCH tỉnh Lạng Sơn	C	phường Đông Kinh		2025-2027	27/QĐ-UBND ngày 26/02/2024	43.887	43.887	10.354	10.354	33.533	33.533	Công an tỉnh		
(3)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030**		**4**				**349.463**	**131.620**	**-**	**-**	**131.620**	**131.620**			
1	Trụ sở làm việc Đại đội Cảnh sát cơ động chính quy và Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động dự bị chiến đấu thuộc Công an tỉnh Lạng Sơn	B	phường Kỳ Lừa		2026-2030	20/QĐ-BCA-H01 ngày 05/01/2026; 3863/QĐ-BCA-H02 ngày 19/6/2026	238.843	21.000			21.000	21.000	Công an tỉnh	Bảo đảm Đề án số 11/ĐA-BCA-K02 ngày 05/5/2023 của Bộ Công An về xây dựng lực lượng cơ động	NSĐP đối ứng GPMB và 5% xây lắp
	Danh mục dự án khác		3				***110.620***	***110.620***	**-**	**-**	***110.620***	***110.620***			
1	Trụ sở làm việc Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ khu vực Lộc Bình	C	xã Na Dương	Xây mới nhà làm việc 03 tầng, nhà ở, trang thiết bị	2027-2029	43/QĐ-UBND ngày 17/4/2026	33.670	33.670			33.670	33.670	Công an tỉnh	Bảo đản an toàn PCCC các xã trong khu vực	
2	Trụ sở làm việc Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ khu vực Thất Khê	C	xã Thất Khê	Xây mới nhà làm việc 03 tầng, nhà ở, trang thiết bị	2027-2029	20/QĐ-UBND ngày 13/2/2026	32.500	32.500			32.500	32.500	Công an tỉnh	Bảo đản an toàn PCCC các xã trong khu vực	
3	Trụ sở làm việc Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ khu vực Hữu Lũng	C	xã Hữu Lũng	Xây mới nhà làm việc 03 tầng, nhà ở, trang thiết bị	2027-2029	21/QĐ-UBND ngày 13/2/2026	44.450	44.450			44.450	44.450	Công an tỉnh	Bảo đản an toàn PCCC các xã trong khu vực	
VII	**Khu công nghiệp và khu kinh tế**		**1**				**118.761**	**118.521**	**240**	**-**	**118.521**	**118.521**			
(3)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030**		**1**				**118.761**	**118.521**	**240**	**-**	**118.521**	**118.521**			
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào cụm công nghiệp Na Dương 1, 2, 3	C	xã Na Dương	0,7Km, Cấp III	2026-2028	636/QĐ-UBND ngày 06/4/2026	118.761	118.521	240		118.521	118.521	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Góp phần hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối vào các Cụm Công nghiệp Na Dương 1,2,3	
VIII	**Công trình công cộng tại các đô thị**		**4**				**411.776**	**411.776**	**173.842**	**173.842**	**227.933**	**227.933**			
(2)	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030**		**2**				**265.048**	**265.048**	**173.842**	**173.842**	**81.206**	**81.206**			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 giao chi tiết kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMĐT)								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSĐP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP phân bổ kỳ này			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Công viên bờ sông Kỳ Cùng (đoạn từ Khách sạn Đông Kinh đến Đền Kỳ Cùng) và bãi đỗ xe công cộng	C	phường Đông Kinh	16.532m2	2025-2027	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	51.618	51.618	610	610	41.008	41.008	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Tạo không gian xanh phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, thể dục thể thao, đồng thời phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, giải quyết nhu cầu giao thông, đỗ xe trong khu vực trung tâm đô thị. Dự án hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng sống cho người dân đô thị, phát triển không gian xanh, hạ tầng đô thị đồng bộ, thúc đẩy phát triển du lịch – dịch vụ gắn với khai thác hiệu quả quỹ đất công	Hụt thu SDĐ 2025: 19,49 tỷ đồng (đã trừ 10 tỷ dự kiến tăng thu)
2	Khu tái định cư, dân cư xã Hồ Sơn và xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng	B	Hữu Lũng	22,24ha	2022-2025	35/NQ-HĐND ngày 28/9/2021; 781/QĐ-UBND ngày 04/5/2022	213.430	213.430	173.232	173.232	40.198	40.198	UBND xã Hữu Lũng	Đầu tư xây dựng khu tái định cư và dân cư để bố trí tái định cư, tạo điều kiện về đất ở, ổn định đời sống cho các hộ dân bị ảnh hưởng do thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hữu Lũng và cho các dự án khác trên địa bàn huyện Hữu Lũng.	Bổ sung hụt thu SDĐ 2025: 40,198 tỷ đồng
(3)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030**		**2**				**146.728**	**146.728**	**-**	**-**	**146.727**	**146.727**			
1	Công viên trung tâm Lương Văn Tri và Bãi xe công cộng *(bổ sung hạng mục công viên từ Trung tâm hành chính công đến nhà khách Tỉnh ủy)*	B	phường Lương Văn Tri	S=8.521m2	2026-2028	360/QĐ-UBND ngày 03/3/2026	128.728	128.728			128.727	128.727	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Bổ sung thêm không gian cây xanh và công viên công cộng phục vụ cho nhu cầu vui chơi, giải trí, thể dục thể thao của nhân dân, các sự kiện của các cấp chính quyền không chỉ nâng cao chất lượng môi trường không khí, giảm hiệu ứng đảo nhiệt đô thị, mà còn tạo môi trường sống lành mạnh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân về không gian công cộng, tăng cường kết nối xã hội.	
2	Khu tái định cư xã Na Dương	C	xã Na Dương	2ha	2027-2029	886/QĐ-UBND ngày 18/5/2026	18.000	18.000			18.000	18.000	UBND xã Na Dương	Tạo quỹ đất tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi các dự án Cụm Công nghiệp Na Dương 1, 2, 3 và các dự án khác trên địa bàn xã Na Dương. Góp phần ổn định đời sống, đảm bảo an sinh xã hội cho các hộ dân bị thu hồi đất, đồng thời tạo quỹ đất ở có hạ tầng đồng bộ, lâu dài, phục vụ công tác bố trí dân cư theo quy hoạch, thúc đẩy phát triển đô thị và công nghiệp khu vực Na Dương	
IX	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội**		**1**				**38.000**	**38.000**	**13.173**	**2.200**	**24.827**	**24.827**			
(2)	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030**		**1**				**38.000**	**38.000**	**13.173**	**2.200**	**24.827**	**24.827**			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 giao chi tiết kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP phân bổ kỳ này			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSĐP)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Nhà hành chính Trụ sở HĐND và UBND huyện Bình Gia	C	xã Bình Gia	05 tầng + 01 tầng bán hầm	2024-2026	968/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	38.000	38.000	13.173	2.200	24.827	24.827	UBND xã Bình Gia	Đáp ứng nhu cầu sử dụng, tiếp tục nâng cao chất lượng công việc và cải cách hành chính phục vụ tốt nhất cho sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Bình Gia là xã trung tâm của khu vực huyện Bình Gia cũ. Hoàn thiện cơ sở vật chất cho Trụ sở UBND xã Bình Gia với các hạng mục phụ trợ hoàn thiện, đấu nối hạ tầng kỹ thuật trụ sở với hạ tầng kỹ thuật khu vực xung quanh, giao thông nội bộ với giao thông tiếp cận từ phía ngoài trụ sở, đấu nối cấp điện, cấp thoát nước đảm bảo đầy đủ, ổn định và tiết kiện chi phí.	
X	**Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật**		**3**				**9.515.915**	**3.177.171**	**864.331**	**266.054**	**2.371.135**	**1.541.135**			
1	Thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên						227.570	88.826	151.609	-	25.512	25.512	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cần bố trí theo tỷ lệ quy định	10% số vốn cấp tỉnh quản lý
-	*Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn*					*chuyển tiếp*	*72.455*	*42.291*	*32.372*		17.000	17.000			Hụt thu SDĐ 2025
-	*Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính 33 xã thuộc các huyện Cao Lộc, Tràng Định và Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn*					*chuyển tiếp*	*155.115*	*46.535*	*119.237*		8.512	8.512			Hụt thu SDĐ 2025
2	Đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia				2026-2030		888.345	888.345	-	-	888.345	688.345			02 nguồn
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030						484.045	484.045			484.045	384.045			
-	Chương trình MTQG phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035						104.300	104.300			104.300	104.300			
-	Các Chương trình MTQG khác						*300.000*	*300.000*			300.000	200.000			
	Trong đó, dự kiến bố trí cho các trường công nhận lại đạt chuẩn										*100.000*	*100.000*			*Dự kiến theo kết luận họp UBND tỉnh*

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 giao chi tiết kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP phân bổ kỳ này			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSĐP)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	A	Chi Lăng, TPLS, Cao Lộc	43km tuyến chính, 17km tuyến nối cửa khẩu	2023-2026	41/NQ-HĐND ngày 30/12/2022; 2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2023; 18/NQ-HĐND ngày 28/4/2025	8.200.000	2.000.000	712.722	266.054	1.257.278	757.278	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Cầu nối quan trọng của tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hải Phòng - Quảng Ninh, nhằm tạo ra hành lang kinh tế xuyên Á, tạo lợi thế để Việt Nam là cửa ngõ giao lưu thương mại với Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á; góp phần liên kết, phát triển nhanh các lĩnh vực kinh tế trọng điểm của tỉnh Lạng Sơn như công nghiệp, du lịch, dịch vụ, xuất nhập khẩu hàng hóa; thúc đẩy phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tạo động lực để tỉnh Lạng Sơn phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và trở thành một trong các cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.	Bổ sung hụt thu SDĐ 2025: 303,930 tỷ (đã trừ 30 tỷ dự kiến tăng thu)
4	Hỗ trợ các chính sách đầu tư giai đoạn 2026-2030 tỉnh Lạng Sơn		Tỉnh Lạng Sơn		2026-2030	02/2026/NQ-HĐND ngày 26/3/2026	200.000	200.000			200.000	70.000	Sở Tài chính tham mưu phân bổ		Giao trước phần hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND, các chính sách khác chưa phê duyệt Đề án
XI	**Phân cấp cho cấp xã**						**850.000**	**850.000**			**850.000**	**850.000**			Cần xác định chính xác số thu các xã, trước mắt ước khoảng 13 tỷ/xã
XII	**Quỹ phát triển đất**						**68.445**	**68.445**			**68.445**	**68.445**			Dự kiến sửa đổi Nghị quyết về tỷ lệ trích quỹ, dư quỹ hiện nay: 363,805 tỷ đồng, đề xuất trước mắt bố trí bảo đảm dư quỹ 500 tỷ đồng điều hành trong năm
XIII	**Tiết kiệm 5% chi đầu tư phát triển vốn ngân sách địa phương**						**86.595**	**86.595**			**86.595**	**86.595**			
C	**ĐẦU TƯ TỪ THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT**		**3**				**64.480**	**64.280**	**28.411**	**26.450**	**37.330**	**37.330**			
I	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**		**3**				**64.480**	**64.280**	**28.411**	**26.450**	**37.330**	**37.330**			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 giao chi tiết kỳ này		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư sau sắp xếp	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMĐT)								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương (NSĐP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP phân bổ kỳ này			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
(2)	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030**		**3**				**64.480**	**64.280**	**28.411**	**26.450**	**37.330**	**37.330**			
1	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Cao Lộc	C	phường Kỳ Lừa	Nhà lớp học cao 4 tầng, Bể nước ngầm, Tường rào, kè đá	2025-2027	611/QĐ-UBND ngày 11/3/2025	34.580	34.580	10.250	10.000	24.330	24.330	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Ưu tiên đầu tư cho trường đủ 40 lớp học; đủ các phòng học bộ môn yêu cầu; xây mới thư viện đạt chuẩn. Mở rộng đất trường và quy hoạch xây dựng tổng mặt bằng hợp lý phù hợp với quy hoạch, ưu tiên sân thể thao, bãi tập cho học sinh phát triển về thể chất	
2	Nâng cấp, mở rộng trường THPT Lộc Bình	C	xã Lộc Bình	Xây mới nhà lớp học bộ môn, cao 03 tầng, diện tích xây dựng 655m2;	2024-2026	1775/QĐ-UBND ngày 07/11/2022; 1887/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	15.000	15.000	7.961	6.450	8.300	8.300	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Bổ sung cơ sở vật chất cho Trường THPT Lộc Bình nhằm hoàn thiện tiêu chí cơ sở vật chất đối với trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, từng bước nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương	
3	Cải tạo, nâng cấp điểm trường Cơ Khí, Trường Tiểu học 2 thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng	C	Xã Chi Lăng	Khối nhà lớp học 03 tầng, Nhà đa năng, cao 01 tầng và các hạng mục phụ trợ khác	2025-2027	614/QĐ-UBND ngày 11/3/2025	14.900	14.700	10.200	10.000	4.700	4.700	UBND xã Chi Lăng	Đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới trường học, nâng cao chất lượng dạy và học; hoàn thiện tiêu chí cơ sở vật chất để phấn đấu công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 năm 2026	
D	**NGUỒN THU PHÍ SỬ DỤNG KẾT CẤU HẠ TẦNG CỬA KHẨU**		**1**				**134.931**	**134.931**	**-**	**-**	**60.000**	**60.000**			
III	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**		**1**				**134.931**	**134.931**	**-**	**-**	**60.000**	**60.000**			
(3)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030**		**1**				**134.931**	**134.931**	**-**	**-**	**60.000**	**60.000**			
1	Xây dựng mới Trường THPT Thống Nhất	B	xã Thống Nhất	Quy mô 36 lớp cấp THPT	2029-2031	1214/QĐ-UBND ngày 02/7/2026	134.931	134.931			60.000	60.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Đầu tư xây dựng Trường Trung học phổ thông Thống Nhất theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về cơ sở vật chất trường học; góp phần hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh, bảo đảm điều kiện học tập cho học sinh trên địabàn xã Thống Nhất và các khu vực lân cận, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương	

BIỂU I.2a

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (VỐN ĐẦU TƯ VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ) GIAI ĐOẠN 2026-

(Kèm theo Quyết định số: 1462/QĐ-UBND ngày 12/8/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Địa phương	Nguồn ngân sách địa phương (vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí) giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
I	**Tổng số**	**685.200**	
1	Xã Hữu Lũng	10.976	
2	Xã Tuấn Sơn	10.275	
3	Xã Cai Kinh	7.473	
4	Xã Hữu Liên	8.874	
5	Xã Vân Nham	10.041	
6	Xã Thiện Tân	9.808	
7	Xã Yên Bình	10.135	
8	Xã Tân Thành	10.508	
9	Xã Chi Lăng	11.209	
10	Xã Nhân Lý	9.621	
11	Xã Chiến Thắng	10.742	
12	Xã Quan Sơn	8.921	
13	Xã Bằng Mạc	9.341	

14	Xã Vạn Linh	10.742	
15	Phường Đông Kinh	14.712	
16	Phường Tam Thanh	11.676	
17	Phường Lương Văn Tri	10.508	
18	Phường Kỳ Lừa	13.544	
19	Xã Ba Sơn	11.396	
20	Xã Công Sơn	9.621	
21	Xã Đồng Đăng	12.844	
22	Xã Cao Lộc	10.228	
23	Xã Lộc Bình	11.209	
24	Xã Na Dương	13.311	
25	Xã Thống Nhất	11.629	
26	Xã Mẫu Sơn	10.882	
27	Xã Lợi Bác	9.061	
28	Xã Xuân Dương	9.808	
29	Xã Khuất Xá	10.508	
30	Xã Đình Lập	8.874	
31	Xã Châu Sơn	9.668	
32	Xã Thái Bình	11.209	
33	Xã Kiên Mộc	11.396	

34	Xã Hoàng Văn Thụ	11.910	
35	Xã Hội Hoan	10.462	
36	Xã Văn Lãng	9.341	
37	Xã Thụy Hùng	10.041	
38	Xã Na Sầm	9.808	
39	Xã Thất Khê	11.209	
40	Xã Kháng Chiến	10.135	
41	Xã Quốc Việt	10.368	
42	Xã Quốc Khánh	10.976	
43	Xã Tràng Định	10.555	
44	Xã Tân Tiến	9.948	
45	Xã Đoàn Kết	10.368	
46	Xã Yên Phúc	11.536	
47	Xã Tri Lễ	12.610	
48	Xã Khánh Khê	11.489	
49	Xã Văn Quan	9.574	
50	Xã Tân Đoàn	10.508	
51	Xã Điềm He	10.135	
52	Xã Bình Gia	10.088	
53	Xã Tân Văn	9.995	

54	Xã Hồng Phong	10.415	
55	Xã Thiện Thuật	10.649	
56	Xã Thiện Long	10.322	
57	Xã Hoa Thám	10.415	
58	Xã Thiện Hòa	10.602	
59	Xã Quý Hòa	10.368	
60	Xã Bắc Sơn	10.508	
61	Xã Hưng Vũ	10.182	
62	Xã Vũ Lăng	10.742	
63	Xã Tân Tri	9.855	
64	Xã Vũ Lễ	9.341	
65	Xã Nhất Hòa	9.995	

BIỂU I.3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số: 1462/QĐ-UBND ngày 12/8/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	*Tổng số (tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ		**3**	**4**	**1**		**1.338.372**	**897.559**	**460.560**	**129.810**	**877.512**	**537.749**			
I	**Giao thông**		**2**	**2**			**838.072**	**397.559**	**230.560**	**129.810**	**607.512**	**267.749**			
(2)	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030**		**2**	**2**			**838.072**	**397.559**	**230.560**	**129.810**	**607.512**	**267.749**			
1	Đường Lý Thái Tổ kéo dài và khu dân cư, tái định cư TPLS	B	phường Đông Kinh	24,51 ha	2023-2026	40/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 2075/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	690.313	250.000	176.448	75.898	513.865	174.102	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	thực hiện chỉnh trang đô thị, phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng, kết nối với các khu vực trung tâm góp phần đưa thành phố Lạng Sơn đạt tối đa các tiêu chí đô thị loại II, từng bước nâng cao các tiêu chí cơ sở hạ tầng đô thị đạt đô thị loại I. Tạo lập khu dân cư mới hiện đại, có không gian, kiến trúc cảnh quan đẹp và đồng bộ cơ sở hạ tầng kết nối với các khu vực trung tâm thành phố tạo thành mạng lưới giao thông thông suốt, liên hoàn, góp phần chỉnh trang đô thị, thúc đẩy phát triển khu vực phía Đông thành phố và khu vực dọc bờ sông Kỳ Cùng về phía Nam, kết nối với khu vực xã Mai Pha, khai thác có hiệu quả quỹ đất ven sông Kỳ Cùng, tiếp tục thực hiện các dự án trong tương lai, tạo nguồn lực phát triển đô thị…Đồng thời, xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tạo thêm quỹ đất ở tái định cư tại chỗ, tái định cư một số dự án khác trên địa bàn thành phố.	Số vốn giai đoạn 2026-2030 còn lại đề xuất nguồn NSTW
2	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối khu công nghiệp Hữu Lũng, ĐT.245 với QL.31 - Cảng Mỹ An (tỉnh Bắc Giang)	B	xã Hữu Lũng, Tuấn Sơn	4,9km đường cấp III miền núi	2024-2027	NQ 43/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 06/NQ-HĐND ngày 24/3/2022; 1908/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	147.759	147.559	54.112	53.912	93.647	93.647	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	kết nối tuyến đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Khu công nghiệp Hữu Lũng và các vùng nông sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, đáp ứng nhu cầu lưu thông vận chuyển hàng hóa, tạo điều kiện thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Bên cạnh đó còn kết nối các khu du lịch thuộc địa bàn 2 tỉnh Bắc Giang và Lạng Sơn (Khu du lịch Tây Yên Tử, Suối Mỡ, hồ Khuôn Thần, hồ Suối Nứa thuộc tỉnh Bắc Giang với các khu du lịch Hữu Liên, Yên Thịnh, Đền Bắc Lệ và các khu du lịch khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn), thúc đẩy phát triển du lịch, dịch vụ, tạo việc làm cho người lao động, tăng thu ngân sách nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.	
II	**Thể dục, thể thao**		**1**	1	**1**		**500.300**	**500.000**	**230.000**	**-**	**270.000**	**270.000**			
(2)	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030**		**1**	1	***1***		**500.300**	**500.000**	**230.000**	-	**270.000**	**270.000**			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD (rà soát sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư/Chủ đầu tư	Đánh giá hiệu quả đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	*Tổng số (tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSTW			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Khu liên hợp thể thao tỉnh Lạng Sơn (Hạng mục: Sân vận động trung tâm, Nhà thi đấu đa năng)	B	phường Đông Kinh	29ha (nhà thi đấu đa năng; nhà ở vận động viên; nhà luyện tập; khu thể thao ngoài trời; tram xử lý nước thải)	2024-2027	41/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 43/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	500.300	500.000	230.000		270.000	270.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Tổ hợp các công trình nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh cũng như của thành phố Lạng Sơn (hiện nay là các phường) trong thời gian tới, đồng thời tạo điểm nhấn kiến trúc, đáp ứng tiêu chí công trình thể dục thể thao của đô thị loại I, phấn đấu xây dựng thành phố Lạng Sơn trở thành đô thị trung tâm của vùng Đông Bắc, là nơi tổ chức các hoạt động thể dục thể thao cấp tỉnh, cấp vùng, giao lưu phát triển giữa Việt Nam với Trung Quốc và giữa các nước ASEAN với Trung Quốc.	Dự án chuyển tiếp